

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 09/7/2019.

Về việc “Ly hôn; tranh chấp
quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Phạm Thị Đỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 về việc “Ly hôn; tranh chấp quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 16/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C; sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã N1, huyện C1, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Trí N; sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã N1, huyện C1, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày đề ngày 24/12/2018, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị C và anh N trước đây cũng đã kết hôn với nhau từ năm 2008 nhưng sau một thời gian chung sống không hợp nhau thì anh chị đã ly hôn với nhau một lần vào năm 2017 nhưng sau đó anh chị lại tự nguyện quay lại với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện C1, tỉnh Đắk Nông vào ngày 05/6/2017. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị thường xuyên nảy sinh những mâu thuẫn, bất hòa và không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, say sưa, chơi bời và không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con, gia đình; không nhưng thể anh N còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; Vì vậy, hiện nay chị C hoàn toàn không còn tình cảm với anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Phan Trí N.

Về con chung: trong quá trình chung sống, chị C và anh N có với nhau được 03 người con chung. Cháu đầu tên là Phan Trí T, sinh ngày 07/12/2009; cháu thứ hai tên là Phan Trí T1, sinh ngày 08/12/2011; cháu thứ ba tên là Phan Thị M, sinh ngày 13/9/2017. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thị M và cháu Phan Trí T1 đến tuổi trưởng thành và giao lại cháu Phan Trí T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2019 tại Tòa án anh Phan Trí N trình bày:

Anh N và Chị C tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như nội dung Chị C đã trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị thường xuyên nảy sinh những mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân cũng là do anh N đã có những sai lầm đối với vợ con như thường xuyên nhậu nhẹt, say sỉn và không lo được cuộc sống gia đình cho vợ con và anh N cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác như chị C đã trình bày. Nhưng hiện nay anh N đã suy nghĩ lại và rất ân hận về hành vi của mình nên anh N rất mong muốn chị C bỏ qua các lỗi lầm để anh có thể làm lại từ đầu, anh N hứa sẽ sống tốt hơn, chăm lo cho gia đình vợ con đàng hoàng, tử tế và anh mong muốn Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng tôi có thể hòa giải, đoàn tụ với nhau.

Về con chung: trong quá trình chung sống, anh và chị C có với nhau có với nhau được 03 người con chung. Cháu đầu tên là Phan Trí T, sinh ngày 07/12/2009; cháu thứ hai tên là Phan Trí T1, sinh ngày 08/12/2011; cháu thứ ba tên là Phan Thị M, sinh ngày 13/9/2017. Anh N không muốn ly hôn với chị C, nên anh mong muốn Tòa án tạo điều kiện hòa giải cho vợ chồng anh chị, trường hợp khi vợ chồng anh chị không thể thống nhất được thì khi đó anh N đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Phan Trí N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Phan Trí N vẫn vắng mặt tại buổi hòa giải; tại phiên tòa sơ thẩm anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS quy định. Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên

tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Phan Trí N, anh N cư trú tại thôn T, xã N1, huyện C1, tỉnh Đắk Nông, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn; tranh chấp quyền nuôi con*”. Điều kiện mở phiên tòa: Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phan Trí N tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã N1, huyện C1, tỉnh Đắk Nông; Trong thời gian chung sống chị C và anh N thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh chị có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng anh N không tu chí làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nghiêm trọng; chị C và anh N đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay; chị C hiện nay không còn tình cảm gì và không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với anh N được nữa nên chị nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nam. Lời khai của chị Nguyễn Thị C hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh Phan Trí N đang cư trú. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay chị C hoàn toàn không còn tình cảm với anh N; mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con là cháu Phan Thị M, sinh ngày 13/9/2017 và cháu Phan Trí T1, sinh ngày 08/12/2011 và giao cháu Phan Trí T, sinh ngày 07/12/2009 cho anh Phan Trí N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng các cháu Phan Thị M và Phan Trí T1 còn nhỏ; việc giao các cháu cho mẹ nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển của các cháu. Do đó cần chấp nhận yêu cầu về quyền nuôi con chung của chị C.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phan Trí N.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị M, sinh ngày 13/9/2017 và cháu Phan Trí T1, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Phan Trí T, sinh ngày 07/12/2009 cho anh Phan Trí N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Chị C, anh N không phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000435 ngày 25/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA.DS huyện Cư Jút;
- UBND xã N1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Danh Đại